TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 549/2024/HS-PT
Ngày 11-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ;

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn An;

Ông Nguyễn Thị Thúy Hòa.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hữu Trung – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Trần Ngọc Đoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 354/2024/TLPT-HS ngày 03 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Phát T. Do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Phát T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2023/HS-ST ngày 07 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Phát T, sinh năm 1994, tại tỉnh Cà Mau. Số CMND: 025146765. Nơi ĐKHKTT: Số C T, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi ở hiện tại: Số I P, Tổ A, Ấp D, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Lu Y và bà Võ Thị N; Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/9/2023. *(Có mặt)*

**Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Lê Thị T1 – Đoàn Luật sư Thành phố H. *(Có mặt)*

Địa chỉ: Công ty L – số 29 đường E, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có liên quan đến kháng cáo:

Nguyễn H, sinh năm 1988, tại Thành phố Hồ Chí Minh. Thẻ CCCD: 079088024954; Nơi ĐKHKTT: Số C T, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí

Minh; Nơi ở hiện tại: Số I P, Tổ A, Ấp D, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Lu Y và bà Võ Thị N; Bị cáo có vợ: Lê Thị Ánh H1 (đã ly hôn) và có 01 người con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/5/2022. *(Vắng mặt)*

(Những người tham gia tố tụng khác không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, Tòa án không tiến hành triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2020, Nguyễn Hoàng l phục vụ quán bar tại Quận A, thành phố Hồ Chí Minh nên quen biết với một người nước ngoài tên "Daniel" (không rõ nhân thân và lai lịch). Thông qua mạng xã hội Z, D đề nghị H đứng ra thành lập Công ty và mở tài khoản ngân hàng để "khách hàng" của D chuyển tiền vào, D hứa sẽ chia cho Hoàng 1 từ số tiền được chuyển vào tài khoản của các công ty do Hoàng thành l1. Công ty chỉ được thành lập về mặt hồ sơ, trên thực tế không có bất kỳ hoạt động sản xuất, kinh doanh nào cũng như không có bảng hiệu, trụ sở văn phòng Công ty, H biết việc này là có khả năng giúp D vào mục đích bất hợp pháp nhưng vẫn đồng ý và đã cung cấp thông tin cá nhân, thuê dịch vụ làm hồ sơ thành lập 08 Công ty với các tên Công ty do D cung cấp như sau:

- Công ty TNHH A
- Công ty TNHH T3
- Công ty TNHH S
- Công ty TNHH F HAI DẠNG MIRENAL
- Công ty TNHH H2
- Công ty TNHH U.VE
- Công ty TNHH M
- Công ty TNHH NTT WORLD ENGINEERING

Khi có được giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, H sử dụng pháp nhân của các Công ty đến nhiều ngân hàng mở tài khoản và cung cấp số tài khoản ngân hàng cho D, sau khi có tiền vào các tài khoản đã mở H nhờ và bổ nhiệm Nguyễn Phát T (em ruột H) làm kế toán trưởng cho các Công ty T3 đến các ngân hàng làm thủ tục rút tiền và chiếm đoạt. Với thủ đoạn trên Nguyễn H và Nguyễn Phát T đã thực hiện hành vi phạm tội như sau:

- Lần thứ nhất: Khoảng giữa tháng 12 năm 2020, D yêu cầu H kiểm tra các tài khoản số 0111100021776002 và số 0111100021735004 được mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần P (viết tắt Ngân hàng OCB) của Công ty TNHH T3, qua kiểm tra thấy tài khoản ngân hàng số 0111100021776002 của Công ty nhận được số tiền 25.918,USD (không xác định được ai chuyển vào) nên H yêu cầu Nguyễn Thị Thanh T2, sinh ngày 20/01/1992, cư trú B đường Số A, chung

cư E Tây S, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh (kế toán trưởng Công ty TNHH T3) đến Ngân hàng O thực hiện việc rút số tiền trên, nhưng T2 không đồng ý và yêu cầu H thuê người khác. H muốn chiếm đoạt số tiền trên, nên H đã nhờ và bổ nhiệm Nguyễn Phát T làm kế toán trưởng công ty TNHH T4 thay cho T2 để rút số tiền trên và T nghi ngờ nguồn tiền này là bất hợp pháp nhưng vẫn đồng ý làm kế toán trưởng cho Công ty TNHH T3. Vào ngày 21/12/2020, T trực tiếp đến Ngân hàng O tại Số D L, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh cùng H đăng ký thay đổi thông tin khách hàng của tài khoản số 0111100021776002 và số 0111100021735004 của Công ty TNHH T3, đồng thời chuyển đổi số tiền 25.800 USD từ tài khoản ngân hàng số 0111100021776002 của Công ty TNHH T3 sang tài khoản ngân hàng số 0111100021735004 được số tiền 594.432.000 đồng, H thực hiện chuyển số tiền 400.000.000 đồng từ tài khoản ngân hàng số 0111100021735004 sang tài khoản ngân hàng OCB số 0100100018050007 của H; Chuyển số tiền 184.900.000 đồng từ tài khoản ngân hàng số 0111100021735004 sang tài khoản ngân hàng O số 0100100037238009 của T. H và T đến quầy giao dịch của Ngân hàng O rút tiền mặt toàn bộ số tiền trên, T đưa số tiền 184.900.000 đồng cho H. H nộp số tiền 464.900.000 đồng vào ví tiền điện tử theo yêu cầu của D. Để che giấu hành vi ngày 03/4/2021, T cùng H đến Ngân hàng O đóng tài khoản ngân hàng S1 và nhận số tiền 11.566.200 đồng còn lại trong tài khoản. Như vậy, với phương thức và thủ đoạn trên H đã rút từ tài khoản ngân hàng số 0111100021776002 của Công ty TNHH T3 được tổng số tiền 605.998.200 đồng. Daniel được hưởng số tiền 464.900.000 đồng, H được hưởng số tiền 141.098.200 đồng và H cho T số tiền 20.000.000 đồng.

- Lần thứ hai: Ngày 16/6/2021, theo yêu cầu của D, H kiểm tra và thấy tài khoản ngân hàng V số 118002874364 của Công ty TNHH A (do H làm Giám đốc; T đúng tên kế toán trưởng) nhận được số tiền 36.646,35 USD từ Công ty D1, trụ sở đặt tại số A M, B, Perris CA 92571, Mỹ (viết tắt là DVG) chuyển đến. Ngày 18/6/2021 H trực tiếp đến Ngân hàng V chi nhánh tỉnh T rút số tiền 36.000 USD từ tài khoản 118002874364 số tiền 823.320.000 đồng, H nhắn tin với D, đưa ra nhiều lý do và yêu cầu được chia 15% từ số tiền được chuyển vào tài khoản thay vì thỏa thuận là 10%. Sau khi được D đồng ý. H đã đóng gói số tiền 691.320.000 đồng và ghi số điện thoại 0901.427.311 của H trên gói tiền rồi gửi bằng xe khách từ Tiền Giang đến thành phố Hồ Chí Minh, do số tiền lớn nên H đã cùng lên xe khách. Khi xe khách đến bến tại thành phố Hồ Chí Minh H quan sát thấy, phụ xe chuyển gói tiền cho một người nước ngoài do D giới thiệu (không xác định được nhân thân, lai lịch). Để che giấu hành vi ngày 23/6/2021, H cùng T đến ngân hàng V chi nhánh tỉnh T làm thủ tục đóng tài khoản số 118002874364 của Công ty TNHH A và nhận số tiền 14.000.000 đồng còn lại trong tài khoản. Như vậy, với phương thức và thủ đoạn trên H đã rút từ tài khoản ngân hàng số 118002874364 của Công ty TNHH A được tổng số tiền 837.320.000 đồng. Daniel được hưởng số tiền 691.320.000 đồng, H được hưởng số tiền 146.000.000 đồng và H cho T số tiền 20.000.000 đồng. Đến ngày 22/12/2021 Công ty D1 đã tố giác hành vi của Nguyễn H và Nguyễn Phát T.

Trong quá trình điều tra các bị cáo đã tự nguyện giao nộp gồm:

1/ Bị cáo Nguyễn Hoàng :

- 01 giấy xác nhận mẫu dấu số 1694/SV ngày 04/02/2021 của công ty TNHH K cho Công ty TNHH A.

- 01 giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên M1 tên Công ty TNHH A.

- 01 thông báo về cơ quan thuế quản lý cho Công ty TNHH A B.V ngày 02/02/2021.

- 02 thư xác nhận về việc mở tài khoản thanh toán tên Công ty TNHH A B.V ngày 08/02/2021 của ngân hàng TMCP C chi nhánh tỉnh T.

- 01 giấy lĩnh tiền ngày 18/6/2021 của ngân hàng V chi nhánh tỉnh T tên Nguyễn H.

- 01 giấy nộp tiền ngày 18/6/2021 của ngân hàng V chi nhánh tỉnh T tên Nguyễn H.

- 01 đề nghị đóng tài khoản thanh toán kiêm ủy quyền nhận tiền của ngân hàng V chi nhánh tỉnh T tên Nguyễn H.

- 01 giấy xác nhận mẫu dấu số 17866/SV ngày 10/12/2021 tên Công ty TNHH N2.

- 01 giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên M2, đăng ký lần đầu ngày 08/12/2021 tên Công ty TNHH N2.

- 01 giấy xác nhận mẫu dấu số 0325-03/NS của Công ty TNHH K1 NS cho Công ty TNHH S2.

- 01 giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên M3, tên Công ty TNHH S2.

- 07 giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Công ty TNHH Z1 ngày 21/6/2021; Công ty TNHH F ngày 14/9/2021; Công ty TNHH H2; Công ty TNHH M; Công ty TNHH U. Ve Koll STI; Công ty TNHH A1; Công ty TNHH T3.

- 04 giấy xác nhận mẫu dấu: Công ty TNHH F; Công ty TNHH M; Công ty TNHH Z1; Công ty TNHH U. Ve Koll STI.

- 01 thông báo về cơ quan thuế quản lý cho Công ty TNHH N2 ngày 08/12/2021.

- 01 giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp cho Công ty TNHH Z1 ngày 21/6/2021.

- 01 thông báo về cơ quan thuế quản lý cho Công ty TNHH T3 ngày 29/5/2020.

- 01 thông báo về cơ quan thuế quản lý cho Công ty TNHH U.Ve KolL STI ngày 02/02/2021.

- 01 sao kê tài khoản số 0700100018050007 của ngân hàng O.

- 01 thông báo tài khoản cho Công ty TNHH U.Ve Koll STI ngày 05/02/2021

- 01 giấy xác nhận mẫu dấu số 12468/SV ngày 18/6/2021 của công ty TNHH K cho Công ty TNHH A1 LTD.

- 01 thông báo tài khoản cho Công ty TNHH M ngày 12/8/2021.

- Quyết định về việc bổ nhiệm kế toán trưởng cho Công ty TNHH T3 ngày 10/6/2020.

- 01 bộ giấy đăng ký kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản Công ty TNHH T3 ngày 01/6/2020 của ngân hàng O.

- 01 giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 53D8013518 của phòng tài chính - kế hoạch, UBND huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- 01 biên lai thu phí, lệ phí tên Nguyễn H của chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C.

Các tài liệu trên đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T đưa vào hồ sơ vụ án đã được đánh số bút lục từ số 417 đến số 457.

- 01 điện thoại di động kiểu Iphone 11Pro, số máy MWCL2LL/A, số sơ ri C39ZMVRTN6XQ, sim điện thoại số 0901427311.

- 01 con dấu của Công ty TNHH N2.

- 01 con dấu của Công ty TNHH S2.

- 01 con dấu của Công ty TNHH Z1.

- 01 con dấu của Công ty TNHH A1 PTE LTD.

- 01 con dấu của Công ty TNHH U.Ve Koll STI.

- 01 con dấu của Công ty TNHH T3.

- 01 con dấu của Công ty TNHH F.

- 01 con dấu của Công ty TNHH A.

- 02 con dấu: Công ty TNHH H2; Công ty TNHH M.

- 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB933740 tên Nguyễn H, sinh năm 1988, CMND số 024174893, HKTT: 3 T, phường A, quận D, thành phố Hồ Chí Minh.

- 01 thẻ ATM ngân hàng S3 số 4221510230667589 tên Nguyen H.

- 01 thẻ khách hàng tên Nguyễn H, tài khoản 0700100018050007 của ngân hàng O.

- 01 thẻ tài khoản tên Công ty TNHH H2, số tài khoản 990117788 của ngân hàng A2.

- 01 thẻ ATM ngân hàng Đ số 9704061816383493 tên NGUYEN HOANG.

- 01 thẻ tài khoản tên Nguyễn H, số tài khoản 190057389 của ngân hàng A2.

- 01 thẻ ATM ngân hàng A2 số 9704160500822848 tên Nguyen H. - 01 thẻ ATM ngân hàng A2 số 4214943514386346 tên Nguyen H.

2/ Nguyễn Phát T:

- 01 thẻ tiết kiệm số 1901895 của ngân hàng O tên Nguyễn Phát T.

- 01 hộ chiếu số C5027688 tên Nguyễn Phát T.

Tiền ngân hàng Việt Nam số tiền 70.000.000 đồng

Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trao trả cho:

1/ Nguyễn Phát T: 01 thẻ tiết kiệm số 1901895 của Ngân hàng O mang tên Nguyễn Phát T.

2/ Nguyễn H: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB933740 mang tên Nguyễn H, sinh năm 1988, CMND số 024174893, HKTT: 3 T, phường A, quận D, thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Trần Nữ Hoàng Y1: Tiền ngân hàng Việt Nam số tiền 70.000.000 đồng

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 04/8/2022, Nguyễn Phát T đã tự nguyện nộp khắc phục hậu quả số tiền 70.000.000 đồng. Ngày 19/12/2022, bị cáo Nguyễn H đã tự nguyện giao cho Bà Trần Nữ Hoàng Y1 đại diện Công ty D1 thửa đất số 3672, tờ bản đồ số 01, diện tích 504,0m, tại địa chỉ ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB933740 (số vào sổ cấp GCN: CS01445 do Sở T5 cấp ngày 21/6/2021) trị giá 500.000.000 đồng. Hiện Công ty D1 LLC không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm.

Tại bản cáo trạng số 62/CT-VKSTG-P2 ngày 22 tháng 11 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang đã truy tố các bị cáo Nguyễn Hoàng và Nguyễn Phát Tài về tội "Rửa tiền" quy định tại điểm a khoản 3 Điều 324 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2023/HS-ST ngày 07 tháng 3 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phát T phạm tội "*Rửa tiền*".

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 324 Bộ luật Hình sự; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; khoản 1 điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phát T **05 (Năm) năm tù.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tội danh và hình phạt đối với bị cáo khác, về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 13/3/2023, bị cáo Nguyễn Phát T có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị cấp phúc thẩm tuyên bị cáo không phạm tội "*Rửa tiền*".

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo thay đổi yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và thừa nhận quá trình điều tra đã tự nguyện khai báo, không bị ép cung, nhục hình, kết quả điều tra và nhận định của án sơ thẩm về hành vi của bị cáo là đúng thực tế; bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì không hưởng lợi mà chỉ làm giúp công việc theo hướng dẫn của anh ruột là bị cáo Nguyễn H. Ngoài ra bị cáo xuất trình thêm các

giấy tờ xác nhận đã tham gia công tác thiện nguyện tại địa phương, được xác nhận là thanh niên tiêu biểu.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Về thủ tục tố tụng, các cơ quan tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Về nội dung: hành vi của bị cáo như án sơ thẩm nhận định là có căn cứ, phù hợp với kết quả điều tra nên xét xử bị cáo về tội "*Rửa tiền*" theo điểm a khoản 3 Điều 324 Bộ luật Hình sự là đúng người đúng tội. Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đã được vận dụng đầy đủ và tuyên phạt tương xứng. Đối với việc bị cáo thay đổi yêu cầu kháng cáo không kêu oan mà xin giảm nhẹ hình phạt và cung cấp thêm các tài liệu về hoạt động thiện nguyện, xét hình phạt mà án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo đã có sự khoan hồng so với mức độ, tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ được vận dụng đầy đủ nên không có cơ sở để giảm nhẹ hơn nữa, cũng như không đủ điều kiện để cho bị cáo hưởng án treo. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa của bị cáo thống nhất về tội danh và điều khoản truy tố, xét xử bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự thay đổi yêu cầu kháng cáo của bị cáo do đã nhìn nhận hành vi phạm tội, có cung cấp thêm các tình tiết giảm nhẹ mới là tham gia đóng góp tích cực cho hoạt động xã hội, là thanh niên tiêu biểu của phường, là lao động chính trong gia đình, hiện là người trực tiếp chăm sóc anh trai bị bệnh nặng và có vai trò giúp sức không đáng kể trong vụ án, ngoài ra bị cáo không hưởng lợi nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết quy định tại điểm v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, không áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đồng thời cho bị cáo hưởng án treo để bị cáo có điều kiện giúp đỡ gia đình và chăm sóc anh trai.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo như ý kiến Luật sư đã bào chữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức:

Đơn kháng cáo của bị cáo là trong hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Quá trình tiến hành tố tụng, cấp sơ thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng, quyền và nghĩa vụ của bị cáo cùng những người tham gia tố tụng khác được đảm bảo; các chứng cứ đã được thu thập hợp pháp, khách quan và đầy đủ để giải quyết toàn bộ các vấn đề của vụ án. Bị cáo đã được tự nguyện khai báo, không bị ép cung, nhục hình.

[2] Về nội dung:

Trên cơ sở đối chiếu lời khai của bị cáo với tài liệu, chứng cứ đã thu thập có cơ sở để kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2020 đến tháng 6/2021, bị cáo Nguyễn Phát T theo sự yêu cầu của anh ruột là bị cáo Nguyễn H đã chấp nhận việc được H bổ nhiệm làm kế toán trưởng Công ty TNHH T3.Case và các pháp nhân khác do Hoàng thành l1, đứng tên Giám đốc để nhận tiền chuyển khoản và giao tiền lại cho đối tượng tên D. T đã được H đưa đến Ngân hàng P và Ngân hàng C lập tài khoản cá nhân để thực hiện các giao dịch nhận tiền, rút tiền từ các tài khoản này. Toàn bộ khoản tiền rút được T giao lại cho H và sau đó xoá tài khoản để tránh bị phát hiện. Khi thực hiện thành công, H cho T mỗi lần 20.000.000 đồng.

Với tổng số tiền đã được xác định, bị cáo bị truy tố và xét xử về tội "*Rửa tiền*" theo điểm a khoản 3 Điều 324 Bộ luật hình sự với vai trò giúp sức tích cực là đúng người, đúng tội. Án sơ thẩm đã xét xử hành vi của bị cáo với hình phạt nghiêm khắc là cần thiết để đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thay đổi yêu cầu kháng cáo kêu oan thành xin giảm nhẹ hình phạt với các lý do như đã nêu, đồng thời người bào chữa của bị cáo cũng trình bày thêm những tình tiết để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo và đề nghị áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo. Tuy nhiên, xét hành vi của bị cáo đã được án sơ thẩm nhận định đúng về tính chất, mức độ nguy hiểm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đã được vận dụng đầy đủ nên hình phạt đã tuyên là đã có tính khoan hồng đặc biệt. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo có xuất trình thêm các tài liệu chứng minh cho việc được địa phương ghi nhận các hoạt động thiện nguyện, nhưng xét hành vi bị cáo đã thực hiện là rất nghiêm trọng, hình phạt đã tuyên đã được xem xét dưới mức khởi điểm nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo và ý kiến bào chữa. Hội đồng xét xử thống nhất theo đề nghị của Kiểm sát viên, không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phát T phạm tội "*Rửa tiền*".

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 324 Bộ luật Hình sự; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; khoản 1 điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phát T **05 (Năm) năm tù.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại Tp.HCM (1);
- TAND tỉnh Tiền Giang (2);
- VKSND tỉnh Tiền Giang (1);
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang (1);
- Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang (1);
- Công an tỉnh Tiền Giang (1);
- Trại tạm giam - CA tỉnh Tiền Giang (2);
- Người tham gia tố tụng (1)
- Lưu VP(3), HS(2). 17b.NHT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thụy Vũ